

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CTY CP KHO VẬN TÂN CẢNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 40/CBTT-HĐQT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UBCKNN VÀ SGDC HÀ NỘI

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công Ty CP Kho Vận Tân Cảng

Trụ sở chính: Cảng Tân Cảng Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

Điện thoại: 028.37243917

Fax: 028.37422014

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Thúy Hồng

Chức vụ: Tổ trưởng TV – Pháp Chế - Thư ký công ty

Nội dung thông tin công bố: Công bố Biên bản + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của công ty ngày 25/4/2019 tại đường dẫn: <http://www.tancangwarehousing.com.vn>

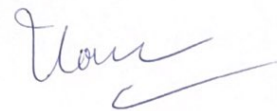
Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Biên bản + Nghị quyết

ĐHĐCĐ năm 2019.

Người thực hiện công bố thông tin



Lê Thị Thúy Hồng

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Tên Công ty: Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng

Địa chỉ: Công C, Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3742 2181 **Fax:** (028) 3742 2041

Giấy Chứng nhận ĐKDN: Số 0309532497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/10/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 6/4/2018.

Thời gian: 09 giờ 00 thứ tư, ngày 24 tháng 4 năm 2019

Địa điểm: Hội trường Công ty, Công C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:

- Người báo cáo: Bà Mai Thị Trâm – Trưởng ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Nội dung báo cáo:

• Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 20/3/2019, sở hữu 14.998.258 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng.

• Vào lúc khai mạc đại hội, cổ đông tham dự Đại hội: 68 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 13.996.889 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 93,32 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

• Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

• Tại thời điểm kiểm phiếu biểu quyết các nội dung Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội, cổ đông tham dự Đại hội: 84 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 14.482.198 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 96,56 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

II. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

1. Đoàn Chủ tịch:

Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tọa
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên Đoàn chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên Đoàn chủ tịch

2. Thư ký:

Bà Nguyễn Thị Phương Thanh	Thư ký
Bà Lương Thị Hồng Diễm	Thư ký

3. Ban Kiểm Phiếu:

Ông Đoàn Xuân Phi	Trưởng Ban Kiểm Phiếu
Ông Đào Tuấn Anh	Thành viên Ban Kiểm phiếu

Đại hội nhất trí thông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

III. Giới thiệu Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội

Ông Nguyễn Văn Hào – Trưởng phòng Điều độ Công ty CP Kho Vận Tân Cảng

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2018 và Kế hoạch năm 2019 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Báo cáo Ban kiểm soát năm 2018 - Người trình bày: Bà Mai Thị Trâm;
- Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất kiểm toán năm 2018 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Tờ trình Phương án trả lương năm 2019 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch 2019 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo.
- Tờ trình phương án tăng vốn điều lệ công ty- Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo.

PHẦN III. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN

Các đại biểu tham dự đặt câu hỏi trực tiếp tại Đại hội. Sau khi Chủ tọa Đại hội trả lời các câu hỏi của đại biểu, các đại biểu không có câu hỏi nào khác, phần thảo luận kết thúc.

PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT năm 2018 và Kế hoạch năm 2019

1. Kết quả sản lượng, doanh thu chi phí thực hiện năm 2018 công ty mẹ

a) Kết quả sản lượng

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2017	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	% so với cùng kỳ	% so với KH
I	Sản lượng thông qua bãi	Teu	540.351	567.368	516.973	95,67	91,12
1	Bãi Cát Lái	teu	328.163	344.571	335.661	102,28	97,41
2	Bãi Cảng mở	teu	107.586	112.965	100.686	93,59	89,13
3	Bãi Suối tiên	teu	104.602	109.832	80.626	77,08	73,41
II	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.134.379	1.254.361	1.275.955	112,48	101,72
III	Sản lượng VT ngoài	Teu	33.169	33.301	42.963	129,53	129,01

b) Kết quả thực hiện doanh thu, chi phí, lợi nhuận. (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% so KH	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	567.279	605.268	594.703	98,25	104,83
1. Doanh thu bán hàng	557.134	598.517	583.780	97,54	104,78
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.965	6.206	9.363	150,87	104,44
3. Thu nhập khác	1.180	545	1.560	286,24	132,20
II. Tổng chi phí	495.045	530.526	524.023	98,77	105,85
1. Giá vốn hàng bán	439.058	473.562	470.957	99,45	107,27
2. Chi phí tài chính	11.760	10.876	9.415	86,57	80,06
3. Chi phí bán hàng	5.628	7.049	4.440	62,99	78,89
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.431	38.493	37.585	97,64	100,41
5. Chi phí khác	1.168	546	1.626	297,80	139,21
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	72.234	74.742	70.680	94,57	97,85
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.327	14.307	14.493	101,30	101,16
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	366	-	(216)		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	57.541	60.435	56.403	93,33	98,02

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 (BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2018)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% so KH	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	686.897	700.078	667.960	95,41	97,24
1. Doanh thu bán hàng	679.417	696.380	659.418	94,69	97,06
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.117	3.138	6.645	211,76	108,63
3. Thu nhập khác	1.312	560	1.429	255,18	108,92
4. Phần lỗ, lãi trong cty liên kết	51	-	468		
II. Tổng chi phí	607.301	617.818	591.172	95,69	97,34
1. Giá vốn hàng bán	539.185	550.336	528.232	95,98	97,97
2. Chi phí tài chính	17.179	16.411	13.474	82,10	78,43
3. Chi phí bán hàng	6.502	8.191	5.130	62,63	78,90
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.987	42.193	42.381	100,45	98,59
5. Chi phí khác	1.448	687	1.955	284,57	135,01
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	79.596	82.260	76.788	93,35	96,47
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.464	16.422	16.455	100,20	99,95
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	366	-	(216,71)		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	62.766	65.838	60.549	91,97	96,47
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.223	3.475	3.190	91,80	98,98

3. Kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2019:

a. Kế hoạch sản lượng năm 2019 công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	(%)
I	Sản lượng thông qua bãi	Teu	516.973	542.822	105,0
1	Bãi CL		335.661	352.444	105,0
2	Bãi Cảng Mở		100.686	105.720	105,0
3	Bãi TC-Suối Tiên		80.626	84.657	105,0
II	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.275.955	1.365.015	107,0
III	Sản lượng vận tải VN	Teu	42.963	28.852	67,15

b. Kế hoạch doanh thu chi phí, lợi nhuận 2019 công ty mẹ (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2018	Kế hoạch Năm 2019	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	594.703	578.236	97,23
1. Doanh thu bán hàng	583.780	571.934	97,97
2. Doanh thu hoạt động tài chính	9.363	5.652	60,37
3. Thu nhập khác	1.560	650	41,67
II. Tổng chi phí	524.023	504.295	96,24
1. Giá vốn hàng bán	470.957	443.827	94,24
2. Chi phí tài chính	9.415	7.818	83,04
3. Chi phí bán hàng	4.440	7.900	177,93
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.585	43.300	115,21
5. Chi phí khác	1.626	1.450	89,18
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	70.680	73.941	104,61
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	14.493	14.558	100,45
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(216)		-
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	56.403	59.383	105,28

c. Kế hoạch doanh thu chi phí, lợi nhuận năm 2019 hợp nhất

CHỈ TIÊU	Thực hiện Năm 2018	KH Năm 2019	Tỷ lệ %
I. Tổng doanh thu, lãi lỗ LKLD	667.960	669.476	100,23
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	659.418	666.776	101,12
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.645	2.045	30,77
3. Thu nhập khác	1.429	655	45,84
4. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty LDLK	468		-

CHỈ TIÊU	Thực hiện Năm 2018	KH Năm 2019	Tỷ lệ %
II. Tổng chi phí	591.172	589.273	99,68
1. Giá vốn hàng bán	528.232	522.170	98,85
2. Chi phí tài chính	13.474	11.328	84,08
3. Chi phí bán hàng	5.130	7.925	154,47
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.381	46.250	109,13
5. Chi phí khác	1.955	1.600	81,84
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	76.788	80.203	104,45
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.455	16.541	100,52
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(216,71)		-
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	60.549	63.662	105,14
V.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.190	2.223	69,70

4. Thông qua kết quả đầu tư năm 2018.

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	%TH/KH
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	5.621	3.932	69,95
1	Sửa chữa kho 05 Cát Lái (Quyết toán)	665	665	100
2	Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	1.700	1700	100
3	Đường cho người đi bộ khu vực kho, bãi CL	300	91	30
4	Bãi đậu xe VTVN Phú Hữu	2.000	520	26
5	Sửa chữa đường 35	956	956	100
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	18.826	2.444	12,98
1	Phần mềm kho ngoại quan	2.778	1.222	43,98
2	Máy phát điện xe chạy ngoài (05 máy)	1.353	-	-
3	Nâng cấp lưu trữ dữ liệu camera	1.575	-	-
4	Thiết bị tường lửa	1.000	602	60,2
5	Moọc QK, QT	620	620	100
6	Xe nâng hàng phục vụ xếp dỡ tại bãi Cát Lái	12.000	-	-
III	ĐẦU TƯ DỰ ÁN	147.517	-	-
	Cảng thủy nội địa Q9	147.517	-	-

5. Kế hoạch đầu tư năm 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KH 2019
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	89.885
1	Đầu tư XD kho CFS Cát Lái GD 2 (Kho 06)	52.000
2	Cải tạo Cảng Mở (bỏ khu văn phòng, quy hoạch thành bãi)	1.000
3	Khu nhà chờ HTX (di dời, xây mới)	900
5	Cải tạo văn phòng kho số 2,3 Cát Lái (Kho 18.000)	1.000
6	Đầu tư xây dựng Kho bãi tại KCN Cát Lái 2	31.485
7	Nâng cấp Line cầu RTG 6+1	3.500
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	8.775
1	Phần mềm kết nối Hải quan tự động (WMSVN + Thái Sơn)	3.000
2	Phần hệ hóa đơn điện tử cho kho ngoại quan	300
3	Nâng cấp lưu trữ dữ liệu camera	1.575
4	Nâng cấp phần mềm WMSVN GD3	1.000
5	Cont văn phòng bãi 3.2 ha Phú Hữu	360
6	Thiết bị PCCC bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.000
7	Yard Map TopX bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.540
III	ĐẦU TƯ DỰ ÁN	43.440
	Cảng thủy nội địa Q9	43.440
IV	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DN	4.020
1	Góp vốn vào Cty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực	4.020
TỔNG CỘNG		146.120

6. Kết quả SXKD của Công ty con, công ty liên kết năm 2018. (Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

a. Công ty CP Tiếp Vận Cát Lái

Tài sản ngắn hạn:	41.870.283.222
Tài sản dài hạn:	116.280.713.873
Tổng cộng tài sản:	158.150.997.095
Nợ phải trả:	106.455.384.610
Nguồn vốn chủ sở hữu:	51.695.612.485
Tổng cộng nguồn vốn:	158.150.997.095
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	126.883.548.284
Doanh thu hoạt động tài chính:	42.599.709
Thu nhập khác:	123.623

Giá vốn hàng bán:	111.455.293.892
Chi phí tài chính:	4.041.058.348
Chi phí bán hàng:	9.168.300
Chi phí quản lý:	3.033.115.709
Chi phí khác:	191.492.564
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	8.196.142.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.676.113.322
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	-
Lợi nhuận sau thuế:	6.520.029.481
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (đồng/CP)	1.417

b. Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực.

Tài sản ngắn hạn:	8.936.013.341
Tài sản dài hạn:	4.388.191.147
Tổng cộng tài sản:	13.324.204.488
Nợ phải trả:	7.479.068.224
Nguồn vốn chủ sở hữu:	5.845.136.264
Tổng cộng nguồn vốn:	13.324.204.488
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	35.216.741.508
Doanh thu hoạt động tài chính:	4.417.365
Thu nhập khác:	205
Giá vốn hàng bán:	27.249.307.159
Chi phí tài chính:	38.343.720
Chi phí bán hàng:	1.285.895.077
Chi phí quản lý:	3.385.719.552
Chi phí khác:	43.739.143
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	3.218.154.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	652.378.713
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	-
Lợi nhuận sau thuế:	2.565.775.714

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 14.474.584 cổ phần, chiếm 99,95 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 14.474.584 cổ phần, chiếm 99,95 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2018.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 14.474.584 cổ phần, chiếm 99,95 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019.

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

Chi tiết phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 : **60.549.391.007 đ**

Các khoản giảm trừ lợi nhuận: : 2.806.041.425 đ

- Lợi ích của cổ đông thiểu số : 2.806.041.425 đ

Lợi nhuận phân phối : **57.743.349.582 đ**

+ Trích quỹ đầu tư phát triển : 5.953.051.389 đ

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 14.508.358.479 đ

+ Trích Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty mẹ : 251.500.000 đ

+ Trích thưởng BQL điều hành Công ty con : 200.000.000 đ

+ Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến hết 31/12/2017 (Cty Mẹ) : 102.005.720.714 đ

+ Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến hết 31/12/2018 (Cty Mẹ) : 1.17.059.845.230 đ

+ Chia cổ tức (40%/Vốn điều lệ) : 59.993.020.000 đ

+ Hình thức chi trả cổ tức

1. Bằng tiền (20%/Vốn điều lệ) : 29.996.510.000 đ

2. Bằng cổ phiếu (20%/Vốn điều lệ) : 29.996.510.000 đ

(chi tiết như phương án phát hành cổ phiếu đính kèm)

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Cty Mẹ) : 57.066.825.230 đ

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

Năm 2019, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

Trích lập các quỹ và chia cổ tức

- + Trích quỹ đầu tư phát triển : 10%
- + Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 1,5 tháng lương bình quân quỹ lương kế hoạch của người lao động.
- + Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành : 494.730.000 đ
(Tạm tính bằng 1,5 tháng lương bình quân quỹ lương kế hoạch của viên chức quản lý)
- + Lợi nhuận chia cổ tức : 20 % Vốn điều lệ
- + Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 14.474.584 cổ phần, chiếm 99,95 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 5: Thông qua Phương án trả lương năm 2019.

1. Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 của người lao động là 116.899.934.442 đồng.

2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý chuyên trách năm 2019 : 3.957.840.000 đồng.

Quỹ lương thực hiện năm 2019 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2019 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 14.474.584 cổ phần, chiếm 99,95 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 6: Thông qua việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch trả thù lao năm 2019

I - Quyết toán thù lao, thưởng vượt KH lợi nhuận 2018

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát , thư ký năm 2018

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty 2.500.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2018: 486.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trong đó thù lao chi trả cho quản lý chuyên trách và không chuyên trách là 456.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng), thư ký công ty là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bằng với mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2018.

II - Kế hoạch chi trả thù lao năm 2019

1. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, thư ký

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch	01	8.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
III	Thư ký công ty	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					516.000.000

2. Thưởng vượt KH lợi nhuận ĐHĐCĐ giao năm 2019 cho Ban điều hành:

HĐQT trình ĐHĐCĐ trích thưởng 15 % phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban điều hành nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt kế hoạch năm 2019 do ĐHĐCĐ giao (LN sau thuế KH năm 2019 là: **59.383 triệu đồng**).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 14.474.584 cổ phần, chiếm 99,95 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2019

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội làm Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng trong năm tài chính 2019.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 14.472.160 cổ phần, chiếm 99,93 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 8: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2018, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

1. Tỷ lệ chi trả: 33,3%/ vốn điều lệ, tương ứng số tiền 49.944.190.000 đồng, cụ thể như sau:

+ 20% chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, tương ứng số tiền: 29.996.510.000 đồng

+ 13,3% phát hành tăng vốn bằng nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng số tiền: 19.947.680.000 đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện

+ Chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết 31/12/2018.

+ Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển lũy kế đến 31/12/2018.

+ Nguồn thực hiện căn cứ báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018.

2. Phương thức phân phối:

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo Phương thức thực hiện quyền.

3. Đối tượng phát hành:

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền hưởng cổ tức.

4. Thông tin về cổ phiếu phát hành:

- Tên Cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Kho Vận Tân Cảng
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 4.994.419 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 49.944.190.000 đồng

5. Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp.

6. Tỷ lệ thực hiện quyền

+ Tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ tức là 100:20; Có nghĩa là cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 20 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị, phần số lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ được hủy bỏ.

+ Tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu là 1000:133 tức là cổ đông sở hữu 1000 cổ phần sẽ nhận được thêm 133 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần số lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ được hủy bỏ.

*Lưu ý: Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền nhận cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn không được phép chuyển nhượng.

7. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh

Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ được xử lý như sau:

+ Đối với hình thức nhận cổ tức bằng cổ phiếu, phần lẻ thập phân sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ.

+ Đối với hình thức phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển, phần lẻ thập phân sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ.

9. Đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán

Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo phương án đã nêu sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

10. Ủy quyền HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan đến phát hành như sau:

- Lựa chọn thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện phương án phát hành như trên.
- Lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện (nếu có).
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM sau khi UBCKNN thông báo đã nhận được kết quả phát hành.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 14.474.584 cổ phần, chiếm 99,95 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

PHẦN V: CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019 THÔNG QUA.

STT	Nội dung đã được thông qua	Tỷ lệ tán thành
1.	Thông qua báo cáo của HĐQT năm 2018	99,95%
1.1	Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018; KH 2019	99,95%
1.2	Thông qua báo cáo KQ SXKD năm 2018 và KH SXKD 2019	99,95%
1.3	Thông qua báo cáo kết quả đầu tư năm 2018 và kế hoạch 2019	99,95%
1.4	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động (BCTC) của Công ty con, Công ty liên kết	99,95%
2.	Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018	99,95%
3.	Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán	99,95%
4.	Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận 2018 và kế hoạch 2019	99,95%
5.	Thông qua tờ trình phương án trả lương năm 2019	99,95%
6.	Thông qua tờ trình quyết toán thù lao năm 2018, KH 2019	99,95%
7.	Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán 2019	99,93%
8.	Thông qua tờ trình phương án tăng vốn điều lệ.	99,95%

PHẦN VI. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Người trình bày: Bà Nguyễn Thị Phương Thanh đọc Biên bản Đại hội

Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo thông qua Nghị quyết Đại hội

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản nay được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng.

Đại hội kết thúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Thị Phương Thanh





CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

ĐT: (028) 37423929 Fax: (028) 37422014

Website : www.tancangwarehousing.com.vn

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 4 năm 2019

Số: 2019/NQ-ĐHCD

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng;

Căn cứ Biên bản họp đại hội Đồng cổ đông ngày 24/4/2019.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 24/4/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng được tổ chức với sự tham gia của 84 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 14.482.198 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 96,56% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT năm 2018 và Kế hoạch năm 2019

1. Kết quả sản lượng, doanh thu chi phí thực hiện năm 2018 công ty mẹ

a) Kết quả sản lượng

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2017	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	% so với cùng kỳ	% so với KH
I	Sản lượng thông qua bãi	Teu	540.351	567.368	516.973	95,67	91,12
1	Bãi Cát Lái	teu	328.163	344.571	335.661	102,28	97,41
2	Bãi Cảng mới	teu	107.586	112.965	100.686	93,59	89,13
3	Bãi Suối tiên	teu	104.602	109.832	80.626	77,08	73,41
II	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.134.379	1.254.361	1.275.955	112,48	101,72
III	Sản lượng VT ngoài	Teu	33.169	33.301	42.963	129,53	129,01

b) Kết quả thực hiện doanh thu, chi phí, lợi nhuận. (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% so KH	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	567.279	605.268	594.703	98,25	104,83
1. Doanh thu bán hàng	557.134	598.517	583.780	97,54	104,78
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.965	6.206	9.363	150,87	104,44
3. Thu nhập khác	1.180	545	1.560	286,24	132,20
II. Tổng chi phí	495.045	530.526	524.023	98,77	105,85
1. Giá vốn hàng bán	439.058	473.562	470.957	99,45	107,27
2. Chi phí tài chính	11.760	10.876	9.415	86,57	80,06
3. Chi phí bán hàng	5.628	7.049	4.440	62,99	78,89
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.431	38.493	37.585	97,64	100,41
5. Chi phí khác	1.168	546	1.626	297,80	139,21
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	72.234	74.742	70.680	94,57	97,85
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.327	14.307	14.493	101,30	101,16
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	366	-	(216)		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	57.541	60.435	56.403	93,33	98,02

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 (BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2018)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% so KH	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	686.897	700.078	667.960	95,41	97,24
1. Doanh thu bán hàng	679.417	696.380	659.418	94,69	97,06
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.117	3.138	6.645	211,76	108,63
3. Thu nhập khác	1.312	560	1.429	255,18	108,92
4. Phần lỗ, lãi trong cty liên kết	51	-	468		
II. Tổng chi phí	607.301	617.818	591.172	95,69	97,34
1. Giá vốn hàng bán	539.185	550.336	528.232	95,98	97,97
2. Chi phí tài chính	17.179	16.411	13.474	82,10	78,43
3. Chi phí bán hàng	6.502	8.191	5.130	62,63	78,90
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.987	42.193	42.381	100,45	98,59
5. Chi phí khác	1.448	687	1.955	284,57	135,01
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	79.596	82.260	76.788	93,35	96,47
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.464	16.422	16.455	100,20	99,95
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	366	-	(216,71)		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	62.766	65.838	60.549	91,97	96,47
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.223	3.475	3.190	91,80	98,98

3. Kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2019

a. Kế hoạch sản lượng năm 2019 công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	(%)
I	Sản lượng thông qua bãi	Teu	516.973	542.822	105,0
1	Bãi CL		335.661	352.444	105,0
2	Bãi Cảng Mở		100.686	105.720	105,0
3	Bãi TC-Suối Tiên		80.626	84.657	105,0
II	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.275.955	1.365.015	107,0
III	Sản lượng vận tải VN	Teu	42.963	28.852	67,15

b. Kế hoạch doanh thu chi phí, lợi nhuận năm 2019 công ty mẹ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2018	Kế hoạch Năm 2019	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	594.703	578.236	97,23
1. Doanh thu bán hàng	583.780	571.934	97,97
2. Doanh thu hoạt động tài chính	9.363	5.652	60,37
3. Thu nhập khác	1.560	650	41,67
II. Tổng chi phí	524.023	504.295	96,24
1. Giá vốn hàng bán	470.957	443.827	94,24
2. Chi phí tài chính	9.415	7.818	83,04
3. Chi phí bán hàng	4.440	7.900	177,93
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.585	43.300	115,21
5. Chi phí khác	1.626	1.450	89,18
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	70.680	73.941	104,61
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	14.493	14.558	100,45
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(216)		-
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	56.403	59.383	105,28

c. Kế hoạch doanh thu chi phí, lợi nhuận năm 2019 hợp nhất

CHỈ TIÊU	Thực hiện Năm 2018	KH Năm 2019	Tỷ lệ %
I. Tổng doanh thu, lãi lỗ LKLD	667.960	669.476	100,23
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	659.418	666.776	101,12
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.645	2.045	30,77
3. Thu nhập khác	1.429	655	45,84

4. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty LDLK	468		-
II. Tổng chi phí	591.172	589.273	99,68
1. Giá vốn hàng bán	528.232	522.170	98,85
2. Chi phí tài chính	13.474	11.328	84,08
3. Chi phí bán hàng	5.130	7.925	154,47
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.381	46.250	109,13
5. Chi phí khác	1.955	1.600	81,84
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	76.788	80.203	104,45
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.455	16.541	100,52
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(216,71)		-
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	60.549	63.662	105,14
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.190	2.223	69,70

4. Thông qua kết quả đầu tư năm 2018

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	%TH/KH
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	5.621	3.932	69,95
1	Sửa chữa kho 05 Cát Lái (Quyết toán)	665	665	100
2	Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	1.700	1700	100
3	Đường cho người đi bộ khu vực kho, bãi CL	300	91	30
4	Bãi đậu xe VTVN Phú Hữu	2.000	520	26
5	Sửa chữa đường 35	956	956	100
II	MUA SẮM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	18.826	2.444	12,98
1	Phần mềm kho ngoại quan	2.778	1.222	43,98
2	Máy phát điện xe chạy ngoài (05 máy)	1.353	-	-
3	Nâng cấp lưu trữ dữ liệu camera	1.575	-	-
4	Thiết bị tường lửa	1.000	602	60,2
5	Moọc QK, QT	620	620	100
6	Xe nâng hàng phục vụ xếp dỡ tại bãi Cát Lái	12.000	-	-
III	ĐẦU TƯ DỰ ÁN	147.517	-	-
	Cảng thủy nội địa Q9	147.517	-	-

5. Kế hoạch đầu tư năm 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KH 2019
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	89.885
1	Đầu tư XD kho CFS Cát Lái GĐ 2 (Kho 06)	52.000
2	Cải tạo Cảng Mở (bỏ khu văn phòng, quy hoạch thành bãi)	1.000
3	Khu nhà chờ HTX (di dời, xây mới)	900
5	Cải tạo văn phòng kho số 2,3 Cát Lái (Kho 18.000)	1.000
6	Đầu tư xây dựng Kho bãi tại KCN Cát Lái 2	31.485
7	Nâng cấp Line cầu RTG 6+1	3.500
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	8.775
1	Phần mềm kết nối Hải quan tự động (WMSVN + Thái Sơn)	3.000
2	Phân hệ hóa đơn điện tử cho kho ngoại quan	300
3	Nâng cấp lưu trữ dữ liệu camera	1.575
4	Nâng cấp phần mềm WMSVN GĐ3	1.000
5	Cont văn phòng bãi 3.2 ha Phú Hữu	360
6	Thiết bị PCCC bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.000
7	Yard Map TopX bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.540
III	ĐẦU TƯ DỰ ÁN	43.440
	Cảng thủy nội địa Q9	43.440
IV	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DN	4.020
1	Góp vốn vào Cty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực	4.020
TỔNG CỘNG		146.120

6. Kết quả SXKD của Công ty con, công ty liên kết năm 2018. (Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

a. Công ty CP Tiếp Vận Cát Lái

Tài sản ngắn hạn:	41.870.283.222
Tài sản dài hạn:	116.280.713.873
Tổng cộng tài sản:	158.150.997.095
Nợ phải trả:	106.455.384.610
Nguồn vốn chủ sở hữu:	51.695.612.485
Tổng cộng nguồn vốn:	158.150.997.095
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	126.883.548.284
Doanh thu hoạt động tài chính:	42.599.709

Thu nhập khác:	123.623
Giá vốn hàng bán:	111.455.293.892
Chi phí tài chính:	4.041.058.348
Chi phí bán hàng:	9.168.300
Chi phí quản lý:	3.033.115.709
Chi phí khác:	191.492.564
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	8.196.142.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.676.113.322
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	-
Lợi nhuận sau thuế:	6.520.029.481
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (đồng/CP)	1.417

b. Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực.

Tài sản ngắn hạn:	8.936.013.341
Tài sản dài hạn:	4.388.191.147
Tổng cộng tài sản:	13.324.204.488
Nợ phải trả:	7.479.068.224
Nguồn vốn chủ sở hữu:	5.845.136.264
Tổng cộng nguồn vốn:	13.324.204.488
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	35.216.741.508
Doanh thu hoạt động tài chính:	4.417.365
Thu nhập khác:	205
Giá vốn hàng bán:	27.249.307.159
Chi phí tài chính:	38.343.720
Chi phí bán hàng:	1.285.895.077
Chi phí quản lý:	3.385.719.552
Chi phí khác:	43.739.143
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	3.218.154.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	652.378.713
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	-
Lợi nhuận sau thuế:	2.565.775.714

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C chi nhánh Hà Nội.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

Chi tiết phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2018	:	60.549.391.007 đ
Các khoản giảm trừ lợi nhuận:	:	2.806.041.425 đ
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	:	2.806.041.425 đ
Lợi nhuận phân phối	:	57.743.349.582 đ
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	:	5.953.051.389 đ
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	14.508.358.479 đ
+ Trích Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty mẹ	:	251.500.000 đ
+ Trích thưởng BQL điều hành Công ty con	:	200.000.000 đ
+ Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến hết 31/12/2017 (Cty Mẹ)	:	102.005.720.714 đ
+ Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến hết 31/12/2018 (Cty Mẹ)	:	117.059.845.230 đ
+ Chia cổ tức (40%/Vốn điều lệ)	:	59.993.020.000 đ
+ Hình thức chi trả cổ tức		
1. Bằng tiền (20%/Vốn điều lệ)	:	29.996.510.000 đ
2. Bằng cổ phiếu (20%/Vốn điều lệ)	:	29.996.510.000 đ
(chi tiết như phương án phát hành cổ phiếu đính kèm)		
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Cty Mẹ)	:	57.066.825.230 đ

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

Năm 2019, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

Trích lập các quỹ và chia cổ tức

+ Trích quỹ đầu tư phát triển	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	1,5 tháng lương bình quân quỹ lương kế hoạch của người lao động.
+ Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	:	494.730.000 đ
<i>(Tạm tính bằng 1,5 tháng lương bình quân quỹ lương kế hoạch của viên chức quản lý)</i>		
+ Lợi nhuận chia cổ tức	:	20 % Vốn điều lệ

+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền

Điều 5: Thông qua Phương án trả lương năm 2019

1. Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 của người lao động là 116.899.934.442 đồng.

2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý năm 2019 : 3.957.840.000 đồng.
Quỹ lương thực hiện năm 2019 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2019 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016.

Điều 6: Thông qua việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch trả thù lao năm 2019

I - Quyết toán thù lao, thưởng vượt KH lợi nhuận 2018

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thư ký năm 2018

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty 2.500.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2018: 486.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trong đó thù lao chi trả cho quản lý chuyên trách và không chuyên trách là 456.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng), thư ký công ty là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bằng với mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2018.

II - Kế hoạch chi trả thù lao năm 2019

1. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch	01	8.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
III	Thư ký công ty	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					516.000.000

2. Thuởng vượt KH lợi nhuận ĐHĐCĐ giao năm 2019 cho Ban điều hành:

HĐQT trình ĐHĐCĐ trích thuởng 15 % phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban điều hành nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt kế hoạch năm 2019 do ĐHĐCĐ giao (LN sau thuế KH năm 2019 là: **59.383 triệu đồng**).

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2019

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội làm Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng trong năm tài chính 2019.

Điều 8: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2018, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

1. Tỷ lệ chi trả: 33,3%/ vốn điều lệ, tương ứng số tiền 49.944.190.000 đồng, cụ thể như sau:

+ 20% chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, tương ứng số tiền: 29.996.510.000 đồng

+ 13,3% phát hành tăng vốn bằng nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng số tiền: 19.947.680.000 đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện

+ Chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết 31/12/2018.

+ Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển lũy kế đến 31/12/2018.

+ Nguồn thực hiện căn cứ báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018.

3. Phương thức phân phối:

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo Phương thức thực hiện quyền.

4. Đối tượng phát hành:

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền hưởng cổ tức.

5. Thông tin về cổ phiếu phát hành:

- Tên Cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Kho Vận Tân Cảng
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 4.994.419 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 49.944.190.000 đồng

6. Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp.

7. Tỷ lệ thực hiện quyền

+ **Tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ tức là 100:20**; Có nghĩa là cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 20 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị, phần số lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ được hủy bỏ.

+ **Tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu là 1000:133** tức là cổ đông sở hữu 1000 cổ phần sẽ nhận được thêm 133 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần số lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ được hủy bỏ.

*Lưu ý: Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền nhận cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn không được phép chuyển nhượng.

8. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh

Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ được xử lý như sau:

+ **Đối với hình thức nhận cổ tức bằng cổ phiếu**, phần lẻ thập phân sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ.

+ **Đối với hình thức phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển**, phần lẻ thập phân sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ.

9. Đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán

Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo phương án đã nêu sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

10. Ủy quyền HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan đến phát hành như sau:

- Lựa chọn thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện phương án phát hành như trên.
- Lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện (nếu có).
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM sau khi UBCKNN thông báo đã nhận được kết quả phát hành.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng thông qua toàn văn ngay tại Đại hội. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH *Đức Thiệu*

Đức Thiệu
Võ Đức Thiệu